

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 432/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị L, sinh năm 1991

HKTT: Tổ X (nay là tổ Y), phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trần Ngọc S, sinh năm 1988

HKTT: Tổ X (nay là tổ Y), phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 81, 82, 83, và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị L và anh Trần Ngọc S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị L và anh Trần Ngọc S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Chị L và anh S xác định vợ chồng 01 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 03/02/2013. Các đương sự thống nhất thoả thuận như sau:

Giao cho chị Đàm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Ngọc D, sinh ngày 03/02/2013, cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh S cho đến khi chị L có yêu cầu.

Anh S có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

2.3) Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L, anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4) Về án phí: Chị Đàm Thị L tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003140 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn trả chị Đàm Thị L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

THẨM PHÁN

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự TP. Thái Nguyên;
- UBND phường TL;
- Lưu: VP, HS.

Chu Thị Bích Hiền